

của các trạm khí tượng, thủy văn, hải văn; số liệu độ cao và số không tuyệt đối của các mốc hải văn;

d) Tài liệu địa hình (trắc đồ ngang, trắc đồ dọc, bình đồ đoạn sông) và tốc độ dòng chảy thực đo tại các Trạm thủy văn vùng cửa sông trong phạm vi 50 km tính từ biển vào.

5. Về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm;

b) Tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO - BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên tịch số 02/2003/TTLT-VKSTC-BTC ngày 15/10/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 219/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ công chức ngành Kiểm sát và giấy chứng minh Kiểm sát viên.

Thi hành Nghị quyết số 219/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ công chức ngành Kiểm sát và giấy chứng minh Kiểm sát viên, liên ngành Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức ngành Kiểm sát nhân dân như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CẤP PHÁT TRANG PHỤC VÀ GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN

Đối tượng được cấp phát trang phục để

sử dụng khi thi hành công vụ là cán bộ, công chức Viện Kiểm sát nhân dân các cấp. Riêng Kiểm sát viên, Điều tra viên còn được cấp giấy chứng minh Kiểm sát viên, cấp hiệu Kiểm sát viên.

II. TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN SỬ DỤNG TRANG PHỤC

1. Trang phục cấp theo niên hạn sử dụng trang phục được quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 219/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 11, cụ thể như sau:

Số thứ tự	Tên trang phục	Số lượng	Niên hạn sử dụng
1	Quần áo thu đông	1 bộ	2,5 năm (lần đầu cấp 2 bộ)
2	Quần áo xuân hè	1 bộ	1 năm (lần đầu cấp 2 bộ)
3	Áo khoác chống rét	1 chiếc	5 năm
4	Áo sơ mi dài tay	1 chiếc	1 năm (lần đầu cấp 2 chiếc)
5	Thắt lưng	1 chiếc	2 năm
6	Giày da	1 đôi	2 năm (lần đầu cấp 2 đôi)
7	Bít tất	2 đôi	1 năm
8	Đép có quai hậu	1 đôi	1 năm
9	Cà vạt	2 chiếc	5 năm
10	Áo mưa	1 chiếc	2 năm
11	Mũ mềm	1 chiếc	3 năm

Kiểm sát viên, chuyên viên còn được cấp cặp đựng tài liệu: 3 năm một chiếc.

2. Trang phục cấp 1 lần:

- Mũ kêpi;
- Phù hiệu mũ mềm, mũ kêpi;
- Cấp hiệu Kiểm sát viên;
- Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Điều tra viên;

Những trang phục nêu trên khi hư hỏng, cũ thì được cấp lại.

Hình thức, màu sắc, kiểu dáng trang

phục của Kiểm sát viên, cán bộ, công chức Viện Kiểm sát nhân dân các cấp do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC MAY SẮM TRANG PHỤC

1. Hàng năm, căn cứ vào đối tượng được cấp trang phục, số lượng chủng loại trang phục đến niên hạn, Viện Kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị dự toán trực

thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao lập dự toán kinh phí cùng với dự toán năm gửi Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để tổng hợp vào dự toán ngân sách của toàn ngành theo chương, loại, khoản, mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính theo quy định.

2. Trang phục của cán bộ, công chức ngành Kiểm sát được cấp phát bằng hiện vật. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc mua sắm, cấp phát và sử dụng trang phục theo quy định hiện hành.

Đối với các trang phục: giày da, dép có quai hậu, thắt lưng, áo mưa, bút tất, cặp đựng tài liệu nếu không có điều kiện mua tập trung, đơn vị có thể cấp tiền cho cá nhân tự mua sắm trên cơ sở giá mua do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

3. Viện Kiểm sát nhân dân các cấp và các đơn vị trực thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phải đảm bảo cấp phát trang phục đúng đối tượng, đúng niên hạn đã quy định; mở sổ sách theo dõi đến từng cá nhân theo mẫu thống nhất do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

4. Cán bộ, công chức được cấp trang phục phải quản lý và sử dụng đúng mục

đích, đúng đối tượng theo quy định của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Trang phục bị hư hỏng, mất mát vì lý do khách quan thì được cơ quan cấp bổ sung. Trường hợp hư hỏng, mất mát khác do cá nhân tự mua sắm.

Đối với các trường hợp thôi việc, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chuyển công tác khác... mà trang phục được cấp chưa hết niên hạn thì không phải thu hồi, nếu đã hết thời hạn mà chưa được cấp phát thì không được cấp phát.

5. Việc dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí may sắm trang phục đối với cán bộ, công chức Viện Kiểm sát nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư liên tịch có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế cho Thông tư liên tịch số 01/TT-LT ngày 24/6/1997 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trang phục đối với công chức, viên chức ngành Kiểm sát.

2. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Viện

Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Viện trưởng

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
Phó Viện trưởng

DƯƠNG THANH BIỂU

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 169/2003/QĐ-BCN ngày 17/10/2003 về việc sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 131/2003/QĐ-BCN ngày 07/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về chuyển Tổng đội Xây lắp điện Pleiku thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.7.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP

ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Công ty Xây lắp điện 3 tại Công văn số 4215/CV/XLD3-TH ngày 14 tháng 10 năm 2003;

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 131/2003/QĐ-BCN ngày 07 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về chuyển Tổng đội Xây lắp điện Pleiku thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.7 như sau:

1. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn).
Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước: 51,00%;